

BÁO CÁO

VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2016 VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (GIAI ĐOẠN 2011 - 2015) GẮN VỚI TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thực hiện kế hoạch giám sát của Đoàn Giám sát của ủy ban Thường vụ Quốc hội về “Việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp”; UBND tỉnh báo cáo về tình hình phát triển kinh tế xã hội 8 tháng đầu năm 2016 và kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (giai đoạn 2011 - 2015) gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

1. Kết quả thực hiện KH phát triển KT-XH 8 tháng đầu năm 2016

Trong 8 tháng đầu năm 2016, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự giúp đỡ của các bộ ngành Trung ương, sự cố gắng nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh, nền kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng, phát triển; các hoạt động văn hóa xã hội có chuyển biến tích cực, quốc phòng an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được tăng cường; hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở không ngừng củng cố; đời sống của nhân dân trong tỉnh cơ bản ổn định.

- Tổng sản phẩm địa phương (theo giá so sánh 2010) tăng 7,48% (kế hoạch cả năm tăng 7,5%). Trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 4,49%; công nghiệp và xây dựng tăng 10,42%; dịch vụ tăng 8,02%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm, thủy sản; khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 28,4%; công nghiệp, xây dựng chiếm 29,6%; dịch vụ chiếm 38,9%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,1% (tỷ trọng các khu vực tương ứng cùng kỳ là 29%-29,5%-38,3%-3,2%).

- Chỉ số phát triển công nghiệp (IIP) tăng 7,16%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 463 triệu USD, tăng 0,7% so với cùng kỳ.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh (ước thực hiện 3.930 tỷ đồng), đạt 70,4% dự toán năm, tăng 22,2% so cùng kỳ; trong đó, thu nội địa (ước thực hiện 3.551 tỷ đồng), đạt 79,4% dự toán năm, tăng 44,3% so cùng kỳ.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội ước tăng 11,2% so với cùng kỳ.

- Chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,57% so với cùng kỳ.

- Lượng khách du lịch đến tỉnh đạt 2,37 triệu lượt người, tăng 25% so cùng kỳ (trong đó, khách quốc tế 190.000 lượt người, tăng 15%),
- Hàng hóa thông qua cảng biển ước đạt 5,44 triệu tấn, giảm 8,1% so với cùng kỳ.
- Tai nạn giao thông giảm trên 3 mặt, về số vụ giảm 13,2%, số người chết giảm 4,6%, số người bị thương giảm 26%.
- Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2015 còn 13,35% (theo chuẩn mới).

2. Nhiệm vụ các tháng còn lại năm 2016

Từ nay đến cuối năm 2016, tỉnh Bình Định phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu mà Nghị quyết HĐND tỉnh đã đề ra, cụ thể:

- Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng 7,5% (tính theo giá so sánh 2010), Trong đó:
 - + Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,5%
 - + Công nghiệp, xây dựng tăng 11,2%
 - + Dịch vụ tăng 6,6%.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,5%.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu 730 triệu USD.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh ước đạt 5.632 tỷ đồng (trong đó: thu nội địa 4.420 tỷ đồng).
- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh dự kiến huy động 28.000 tỷ đồng, bằng 46,3% GRDP.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (GIAI ĐOẠN 2011-2015) GẮN VỚI TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Việc ban hành chính sách, pháp luật để thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp

a. Những kết quả đạt được

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động về xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, các Văn bản triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; các Sở, ban, ngành liên quan của tỉnh ban hành các hướng dẫn về lập quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới, hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện 19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã ...

Việc ban hành các cơ chế chính sách phù hợp để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh đã mang lại hiệu quả rõ rệt, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình, góp phần hoàn thành được các mục tiêu thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. *Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo.*

b. Những hạn chế, vướng mắc

Một số văn bản ban hành còn chưa đồng bộ, kịp thời; nhất là các văn bản hướng dẫn thực hiện và đánh giá các tiêu chí nông thôn mới còn chưa phù hợp thực tế của từng vùng, cho nên trong quá trình triển khai thực hiện rất khó khăn.

Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, dự án,... gắn với nội dung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã đạt được một số kết quả bước đầu nhưng còn gặp nhiều khó khăn, việc huy động các nguồn lực cho phát triển chưa đầy đủ và đồng bộ. Hiện nay, quy mô sản xuất của nông hộ diện tích nhỏ, manh mún, độ cao không đồng đều nên khó khăn trong việc tích tụ ruộng đất và áp dụng cơ giới hóa, công nghệ cao vào trong sản xuất.

Việc lồng ghép các Chương trình MTQG và các Chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh để thực hiện xây dựng nông thôn mới chưa đồng bộ do Trung ương chưa ban hành kịp thời các quy định về cơ chế, nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Chương trình nông thôn mới.

c. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

Nguyên nhân khách quan: Trung ương ban hành các văn bản quy định hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới còn chậm, một số văn bản chưa phù hợp phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần dẫn đến việc ban hành các Văn bản của tỉnh chưa kịp thời.

Nguyên nhân chủ quan: Công tác phối hợp giữa các ngành và các địa phương liên quan của tỉnh trong triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa đồng bộ; một số ngành chưa chủ động tham mưu hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới do đơn vị phụ trách.

2. Việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh

a. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015

- *Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới:* Qua 5 năm thực hiện Chương trình, trong điều kiện kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn, song với nỗ lực phấn đấu của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đặc biệt là vai trò của cộng đồng dân cư, Chương trình đã đạt được những kết quả rất quan trọng: 28 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 23,0%), bao gồm: 26 xã đăng ký hoàn thành giai đoạn 2011 - 2015 và 02 xã hoàn thành vượt kế hoạch. *Số xã đạt 15 - 18 tiêu chí:* 25 xã (chiếm 20,5%); *số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí:* 56 xã (chiếm 45,9%); *Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí:* 13 xã (chiếm 10,6%). Không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí.

- *Về thông tin tuyên truyền:* Giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã tập trung tuyên truyền sâu rộng đến từng cấp, từng ngành và quần chúng nhân dân về xây dựng nông thôn mới, như: Tổ chức Hội nghị triển khai Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, với 200 người tham dự; tổ chức tuyên truyền về chủ trương, cơ chế chính sách, trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong thực hiện xây dựng nông thôn mới, với khoảng 14.400 người tham dự. Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thi,

hội diễn với chủ đề xây dựng nông thôn mới tại các địa phương trong tỉnh, với 2.240 người tham dự. Hàng tuần đưa tin, bài tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định, Bản tin sản xuất và thị trường Nông Lâm Thủy sản Sở Nông nghiệp và PTNT. Sao chép 135 đĩa DVD với nội dung tuyên truyền về nông thôn mới cấp phát cho Đài truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố và 122 xã của tỉnh. Phát hành 50.000 tờ rơi, nội dung về xây dựng nông thôn mới cấp cho từng hộ gia đình tại các xã hoàn thành Chương trình giai đoạn 2011-2015 và 2.000 cuốn tài liệu hệ thống hóa các Văn bản của Trung ương và tỉnh về xây dựng nông thôn mới gửi đến từng chi bộ Đảng của 122 xã; lắp đặt các bảng pano, áp phích tuyên truyền tại tất cả các xã thực hiện Chương trình giai đoạn 2011-2015.

- *Về huy động vốn và cơ chế hỗ trợ*: Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định là 36.751 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương: Vốn hỗ trợ trực tiếp Chương trình là 222 tỷ đồng, chiếm 0,6%; vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 1.787 tỷ đồng, chiếm 4,9%. Vốn địa phương (tỉnh, huyện, xã): 1.626 tỷ đồng, chiếm 4,4% (kể cả vốn thực hiện chính sách giao thông nông thôn và kiên cố hóa kênh mương); vốn tín dụng: 32.552 tỷ đồng, chiếm 88,6%; vốn huy động từ doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác: 141 tỷ đồng (chiếm 0,4%); vốn huy động trong dân: 425 tỷ đồng, chiếm 1,16% (bao gồm: tiền ủng hộ đền bù đất, ngày công, hiện vật...).

b. Đánh giá về kết quả thực hiện các tiêu chí

*** Về lập và phê duyệt quy hoạch nông thôn mới (tiêu chí số 01)**

Đến cuối năm 2012, có 100% số xã xây dựng nông thôn mới hoàn thành công tác lập và phê duyệt đồ án quy hoạch xã nông thôn mới theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

*** Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội (tiêu chí 2,3,4,5,6,7,8,9)**

- *Về việc hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở UBND xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã*: Đến cuối năm 2015: 100% số xã có đường giao thông được bê tông hóa, hoặc nhựa hóa đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã, với tổng chiều dài 1.479 km; đường trục thôn, xóm bê tông đạt 75,5%, với tổng chiều dài 1.5893km; đường ngõ, xóm bê tông và cứng hóa không lầy lội đạt 77%, với tổng chiều dài 1.875 km; có 54,1% số xã đạt tiêu chí Giao thông.

- *Về việc hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã*: Đã có 121/122 xã có điện lưới quốc gia về đến xã (trừ xã đảo Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn); có 95,9% số xã đạt tiêu chí Điện nông thôn.

- *Về việc hoàn thiện các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã*: Có 77/122 nhà văn hóa xã, chiếm tỷ lệ 63,1% số xã toàn tỉnh; có 463/854 nhà văn hóa thôn, chiếm tỷ lệ 54,2%; có 27,0% số xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa.

- Về việc hoàn thiện các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã: Có 81,8% số xã được công nhận thực hiện đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020, trong đó có 57,4% số xã đạt tiêu chí Y tế theo quy định chuẩn Nông thôn mới.

- Về việc hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã: Tỷ lệ phòng học các cấp được đầu tư xây dựng kiên cố đạt 78,05%; tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất được công nhận đạt chuẩn quốc gia chiếm 43,4%; có 46,7% số xã đạt tiêu chí Trường học.

- Về việc hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ: Đến cuối năm 2015 có 94,3% tổng số xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh xây dựng kiên cố trụ sở xã và các công trình phụ trợ.

- Về công tác “đồn điền đổi thửa”, xây dựng bờ vùng, bờ thửa, hệ thống thủy lợi kênh mương đồng ruộng: Thực hiện chủ trương của tỉnh triển khai thí điểm đồn điền, đổi thửa tại 04 xã điểm để rút kinh nghiệm: Đến nay mới chỉ triển khai bước 1. Thông qua nhân dân để tiếp tục cải tạo đồng ruộng tại thôn Trường Cửu, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn. Về xây dựng bờ vùng, bờ thửa: Đến nay, số đường bờ vùng được bê tông và cứng hóa đáp ứng nhu cầu sản xuất của người dân đạt 45%, với tổng chiều dài 705 km. Về hệ thống thủy lợi kênh mương đồng ruộng: đến nay có 45% chiều dài kênh mương đã được kiên cố hóa, với tổng chiều dài 1.325 km, có 54,9% số xã đạt tiêu chí Thủy lợi.

*** Về chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập (tiêu chí số 10, 12)**

- Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao: Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch đúng hướng; diện tích, năng suất cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản tăng khá; hầu hết các chỉ tiêu và nhiệm vụ về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đều đạt kế hoạch.

- Về tăng cường công tác khuyến nông; đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp: Đến cuối năm 2015, toàn tỉnh đã có khoảng 672 mô hình, điểm trình diễn sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hiệu quả. Trong đó: Đã triển khai hơn 60 loại mô hình và 20 loại nhân rộng, hơn 300 điểm trình diễn cây trồng các loại như: Chuối sản xuất cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn và cánh đồng tiên tiến trên cây lúa, lạc, mỳ, ngô,... Triển khai 20 loại mô hình, 145 điểm trình diễn chăn nuôi như: Mô hình cải tạo giống bò theo hướng chuyên thịt; mô hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao; mô hình chăn nuôi gà an toàn sinh học; chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học,... 24 loại mô hình, 100 điểm trình diễn nuôi trồng thủy sản, như: mô hình nuôi lươn thương phẩm hộ gia đình, mô hình vớt và ương chình giống, mô hình nuôi cá điêu hồng trong lồng trên hồ chứa, mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng,... Mô hình trồng cây mây tre dưới tán rừng đã nhân rộng ra hơn 250 ha, mô hình trồng cây dược liệu, trồng cây gỗ lớn.

- Về cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Đến cuối năm 2015, tỷ lệ cơ giới hóa các khâu sản xuất

trên toàn tỉnh đạt cao như: làm đất bằng máy đạt 97%, sử dụng máy gieo sạ đạt 60%, thu hoạch bằng máy đạt 80%, đập tuốt đạt 95%.

- Về bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm “mỗi làng một sản phẩm”, phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương: Đến nay toàn tỉnh có 66 làng nghề, với tổng số lao động tham gia khoảng trên 29.000 người; trong đó có 46 làng nghề đã được UBND tỉnh công nhận đạt tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 116/2006/TT- BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Về đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn: Đến cuối năm 2015, tổng số lao động có việc làm thường xuyên tại khu vực nông thôn 687.306 người; tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động chung khu vực nông thôn chiếm 86,6%.

*** Giảm nghèo và an sinh xã hội (tiêu chí số 11)**

- Về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-Cp ngày 27/12/2008 của Chính phủ: Đến cuối năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo tại 03 huyện 30a Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão giảm còn 36,26% - theo tiêu chí cũ (cuối năm 2010 là 61,29%); bình quân giảm tỷ lệ hộ nghèo tại 03 huyện nghèo của tỉnh từ 4%-5%/năm, đạt và vượt so với mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 4%/năm theo Nghị quyết 30a. Tuy nhiên, hiện nay theo kết quả điều tra hộ nghèo theo chuẩn đa chiều tại 03 huyện 30a bình quân là 62,6%.

- Về thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội “về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020”: Kết quả giai đoạn 2011-2015, bình quân giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh gần 2%/năm, đạt mục tiêu theo Nghị quyết số 52/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 80/NQ-Cp ngày 19/5/2011 của Chính phủ đề ra.

- Về tiếp tục triển khai Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững: Kết quả đến cuối năm 2015 (theo tiêu chí cũ): số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh là 23.755 hộ, chiếm tỷ lệ 6,25%; hộ cận nghèo 17.771 hộ, chiếm tỷ lệ 4,43%. Tuy nhiên, hiện nay theo kết quả điều tra hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh 55.011 hộ, chiếm tỷ lệ 13,35%; hộ cận nghèo 28.052 hộ, chiếm tỷ lệ 6,81%.

- Về thực hiện các chương trình an sinh xã hội: Đến nay cơ bản hoàn thành kế hoạch hỗ trợ xây dựng nhà ở cho đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số có nhà ở đơn sơ. Công tác thực hiện chính sách đối với người có công với nước đạt kết quả tích cực, chương trình hỗ trợ nhân đạo, từ thiện được các thành phần kinh tế ủng hộ.

*** Về đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn (tiêu chí số 13)**

- Về chuyển đổi mô hình hoạt động, thành lập, phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới theo Luật hợp tác xã năm 2012; phát triển các tổ hợp tác: Đến cuối năm 2015, toàn tỉnh có 217 hợp tác xã, trong đó hợp tác xã thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản là 152 hợp tác xã (chiếm 70,0%); có 214 HTX đã tổ chức chuyển

đổi theo Luật HTX 2012 (còn lại 3 HTX chưa đăng ký chuyển đổi do hoạt động kinh doanh không hiệu quả, đang làm thủ tục giải thể); có 478 tổ hợp tác với 5.320 tổ viên.

- *Về phát triển kinh tế hộ, trang trại*: Đến cuối năm 2015, toàn tỉnh có 84 trang trại; doanh thu bình quân đạt 2,85 tỷ đồng/trang trại. Ngoài ra, toàn tỉnh đã phát triển được 5.085 gia trại chăn nuôi.

- *Về phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn*: Đến nay, đã phát triển được 333 doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh.

- *Về xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn*: Thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 07/5/2015 về việc quy định một số tiêu chí về cánh đồng lớn cho các đối tượng cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 về Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

* *Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn (tiêu chí số 5 và 14)*: Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo: Đến cuối năm 2015 có 100% trẻ em trong độ tuổi được đi học; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, trường nghề đạt 95%; 100% số xã trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Có 79,5% số xã đạt tiêu chí Giáo dục.

* *Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn (tiêu chí số 15)*: Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về y tế: Đến cuối năm 2015 có 70,0% tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ đạt 98,7%.

* *Về xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn (tiêu chí số 6 và 16)*:

- *Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa*: Đến cuối năm 2015 có 89 khu sinh hoạt văn hóa - thể thao cấp xã có sân khấu ngoài trời kiên cố, được trang bị âm thanh, ánh sáng; toàn tỉnh có 87,7% số xã đạt tiêu chí Văn hóa.

- *Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn*: Đến cuối năm 2015 có 100% số xã trên địa bàn tỉnh có điểm phục vụ Bưu chính viễn thông; internet đã phủ sóng hầu hết đến tất cả các thôn trên địa bàn tỉnh; toàn tỉnh có 93,4% số xã đạt tiêu chí Bưu điện.

* *Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (tiêu chí số 17)*

- *Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường*: Đến cuối năm 2015, tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 95%, trong đó hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn Bộ Y tế là 57%.

- *Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn:* Công tác bảo vệ môi trường đã được các địa phương quan tâm thực hiện và đạt được những kết quả rõ rệt, như: đã xây dựng khoảng 10.000 hầm biogas trong chăn nuôi; phong trào lắp đặt các hố thu gom vỏ bao, bì, chai, lọ chứa thuốc bảo vệ thực vật qua sử dụng tại các cánh đồng đang được nhân rộng,... Công tác thu gom rác thải, chất thải tại các kênh mương, dòng sông cũng được các địa phương phát động triển khai thường xuyên,... Đến nay, toàn tỉnh có 32,0% số xã đạt tiêu chí Môi trường.

*** Về nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn**

- *Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ:* Giai đoạn 2010 - 2014, ngành Nội vụ tỉnh đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho 4.899 lượt cán bộ công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn cán bộ cấp xã.

- *Ban hành chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo về công tác tại các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa:* Thực hiện Đề án 600 phó Chủ tịch xã của Trung ương, đến cuối năm 2015 tỉnh đã tuyển chọn được 20 đội viên để bố trí giữ chức vụ phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tại 03 huyện Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão. Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020 của tỉnh, đã tuyển chọn được 15 đội viên bố trí làm công chức cấp xã tại 06 huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Phù Mỹ, Phù Cát và Hoài Nhơn.

*** Về giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn**

- *Ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu:* Công an tỉnh đã chỉ đạo các địa phương kiểm tra rà soát, tập trung xây dựng mới, đồng thời duy trì và củng cố, quản lý hoạt động của các mô hình tự quản về an ninh trật tự, mô hình phòng chống tội phạm; một số mô hình phát huy hiệu quả được nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh như: mô hình 3 không ở các huyện miền núi, mô hình dòng tộc, họ đạo ở các huyện đồng bằng...

- *Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, thôn, xóm hoàn thành nhiệm vụ:* Để tiếp tục quan tâm xây dựng, củng cố lực lượng công an xã và các tổ chức làm công tác an ninh trật tự ở cơ sở; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2012 về ban hành Đề án “Tổ chức, xây dựng và bảo đảm một số chế độ, chính sách đối với lực lượng Công an xã, tỉnh Bình Định”.

c. Đánh giá kết quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sự tác động qua lại giữa quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

*** Kết quả thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

- *Về trồng trọt:* Lĩnh vực trồng trọt đã không ngừng tăng cường đổi mới về công tác khảo nghiệm, chọn lọc, sử dụng các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng và đạt hiệu quả cao hơn, trong đó tập trung nghiên cứu, ứng dụng các

giống cây trồng có chất lượng, thị trường tiêu thụ ổn định; hàng năm đều có các giống cây trồng mới được bổ sung thay thế. Đến nay, tỷ lệ diện tích lúa sử dụng giống lúa xác nhận đạt trên 98%; diện tích lúa lai hàng năm không ngừng tăng lên, đến năm 2015 đạt trên 10.000 ha. Ngoài ra, đã hình thành một số vùng nguyên liệu chuyên canh phục vụ chế biến như: lúa giống, lúa chất lượng cao, lạc, ngô non phục vụ chăn nuôi, sắn, ớt...; cụ thể: Qua 3 năm thực hiện tái cơ cấu, toàn tỉnh đã thực hiện được 627 CĐML với quy mô 25.737 ha, trong đó cây lúa có 582 cánh đồng và cây trồng cạn 45 cánh đồng; năng suất CĐML cây lúa đạt bình quân 75-80 tạ/ha, lợi nhuận trung bình đạt 30.800.000 đồng/ha cao hơn bên ngoài 17.500.000 đồng/ha. Đã thực hiện 01 chuỗi giá trị sản xuất, tiêu thụ lạc thành phẩm tươi, diện tích 50 ha tại huyện Phù Cát; đã và đang hình thành vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo hướng VietGAP (RAT) với quy mô trên 13 ha tại một số hợp tác xã nông nghiệp (Thuận Nghĩa - Tây Sơn và Phước Hiệp - Tuy Phước và một số HTX khác). Cơ giới hóa nông nghiệp cũng phát triển hầu hết các khâu trước, trong và sau thu hoạch, trong đó khâu làm đất tỷ lệ cơ giới hóa đạt 97%, khâu gieo sạ đạt 55%, khâu thu hoạch đạt trên 60%, thu hoạch bằng máy đạt 80%, đập tuốt đạt 95%. Nhờ tỷ lệ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất đã giảm tổn thất trong và sau thu hoạch lúa từ 12% năm 2013 xuống còn khoảng 7% năm 2015.

- *Chăn nuôi*: Ngành chăn nuôi đã tập trung nghiên cứu thử nghiệm chọn được các giống gia súc, gia cầm thích hợp có sức kháng bệnh tốt, hiệu quả kinh tế cao ứng dụng vào sản xuất. Người chăn nuôi đã có sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, đã chuyển từ hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ mô hình nông hộ, chăn thả rông sang hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại như: Trại heo giống của Công ty Thành Phú ở Canh Vinh quy mô 600 nái sinh sản; trại heo giống hộ bà Trần Thị Tuyết ở Ân Tường Đông quy mô 600 nái sinh sản; trại heo thịt của Công ty Thịnh Phú ở Nhơn Tân quy mô 4.000 con, Trại giống gà Minh Dư quy mô 300.000 gà đẻ với công nghệ châu Âu hiện đại... Tập đoàn Hùng Vương đang đầu tư trang trại giống heo cụ kỵ tại xã Cát Lâm, quy mô 5.000 con heo nái sinh sản.

Triển khai thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư cơ sở giết mổ động vật tập trung trên địa bàn tỉnh, đến nay Bình Định đã có 03 doanh nghiệp đăng ký đầu tư 03 lò giết mổ động vật tập trung theo công nghệ tiên tiến kết hợp chế biến sản phẩm tại thành phố Quy Nhơn và huyện Vĩnh Thạnh. Đang triển khai có hiệu quả chuỗi sản xuất chăn nuôi bò lai và bò thịt chất lượng cao trong nông hộ, trong đó số lượng bò lai Zebu trên địa bàn tỉnh nhất là các huyện miền núi, hàng năm tư thương và Công ty TNHH chăn nuôi Bình An thu mua với giá cao. Ngoài ra, đang triển khai có hiệu quả mô hình vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh lợn với quy mô toàn huyện (Hoài Ân) có 29.803 hộ gia đình tham gia với tổng đàn lợn 208.623 con; mô hình đã được sơ kết và tiến tới xây dựng đề án để thực hiện phạm vi cả tỉnh.

- *Thủy sản*: Với lợi thế về chiều dài bờ biển, khi triển khai thực hiện tái cơ cấu, tỉnh xác định thủy sản là lĩnh vực kinh tế quan trọng với nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển trên các lĩnh vực đánh bắt, nuôi trồng và chế biến xuất khẩu. Trong đó, chú trọng xây dựng và phát triển các mô hình liên kết, liên doanh, gắn kết sản xuất, bảo quản đến chế biến và tiêu thụ như: Bình Định và Hội hữu nghị

Nhật - Việt tại Sakai - Nhật Bản đã hình thành chuỗi liên kết khai thác, thu mua và xuất khẩu cá ngừ đại dương sang thị trường Nhật Bản theo Công nghệ của Nhật bản. Tập đoàn thủy sản Việt - Úc đang thực hiện chuỗi nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao nhà kính (quy mô diện tích 100 ha), công suất 8.400 tấn tôm/năm tại huyện Phù Cát và Phù Mỹ. Ngoài ra còn có một số doanh nghiệp như công ty Thành Ly, Cty TM-DV-XNK Thanh Vân, Công ty thủy sản Thành Hiệp, Công ty Nam Việt đang xúc tiến xây dựng chuỗi nuôi tôm ứng dụng công nghệ Biofloc tại khu sản xuất thủy sản công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; Tập đoàn Hogun Hàn Quốc đang xúc tiến đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm hoàn thiện để xuất khẩu cá ngừ sọc dưa với quy mô diện tích 3 ha tại xã Cát Khánh (Phù Cát). Bên cạnh đó đã thành lập và phát triển 516 tổ đoàn kết sản xuất trên biển với 2.111 tàu tham gia mô hình và có 73 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá chuyên thu mua sản phẩm và cung cấp nhiên liệu cho tàu khai thác.

- *Lâm nghiệp*: Đã quy hoạch trồng rừng cây gỗ lớn toàn tỉnh với quy mô 10.000 ha. Đang triển khai các chuỗi liên kết giá trị gia tăng kinh doanh cây gỗ lớn giữa Tổng cty sản xuất, đầu tư dịch vụ XNK với 02 Cty Lâm nghiệp Sông Côn và Hà Thanh; liên kết chuỗi giữa HTX sản xuất Lâm nghiệp Phú Mỹ với xã viên HTX Bình Phú (huyện Tây Sơn) kinh doanh cây gỗ lớn và cung cấp nguyên liệu cho chế biến gỗ với quy mô 70 ha; Công ty Dược và trang TBYT liên kết với các nông dân xã An Toàn (huyện An Lão) thực hiện chuỗi sản xuất cây dược liệu dưới tán rừng với quy mô 300 ha. Các doanh nghiệp sản xuất cây giống lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh liên kết sản xuất giống cây lâm nghiệp công nghệ cao bằng công nghệ nuôi cấy mô với quy mô 10 triệu cây/năm, sản xuất giống cây lâm nghiệp bằng công nghệ giâm hom với năng suất 180 triệu cây giống/năm để tiêu thụ, cung ứng trong và ngoài tỉnh.

- *Sản xuất muối*: Đang triển khai có hiệu quả chuỗi giá trị sản xuất muối sạch theo công nghệ trải bạt tại xã Cát Minh (Phù Cát), Mỹ Thành, Mỹ Thọ (Phù Mỹ), với quy mô 40 ha.

- *Vấn đề liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*: Bước đầu đã và đang triển khai có hiệu quả một số chuỗi sản xuất liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp như: chuỗi liên kết khai thác, thu mua và xuất khẩu cá ngừ đại dương sang thị trường Nhật Bản; chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao (nuôi tôm trong nhà); chuỗi sản xuất, tiêu thụ lạc thịt tại xã Cát Hải; chuỗi liên kết sản xuất kinh doanh cây gỗ lớn và cung cấp nguyên liệu cho chế biến gỗ; chuỗi giá trị sản xuất muối sạch theo công nghệ trải bạt,... Tuy nhiên, việc thực hiện hợp đồng bao tiêu sản phẩm giữa doanh nghiệp và nông dân đang còn nhiều bất cập (tình trạng vi phạm hợp đồng khi nông sản được giá xảy ra khá phổ biến) đã làm cho các chuỗi liên kết sản xuất kém bền vững.

*** Đánh giá kết quả tác động qua lại giữa quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

Tái cơ cấu nông nghiệp đã tác động không nhỏ đến việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, trong đó tái cơ cấu góp phần tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ vào sản xuất và quản lý; đẩy nhanh công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, tăng năng suất lao động,

chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân góp phần hoàn thành nhiều chỉ tiêu trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

d. Những hạn chế, bất cập

- *Về bất cập tiêu chí:* Hệ thống tiêu chí xây dựng nông thôn mới còn chưa thật sự phù hợp, phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần như: tiêu chí Trường học, cơ sở vật chất văn hóa, y tế, thu nhập,....

- *Về tuyên truyền, nhận thức:* Người dân ở các xã thuộc diện hoàn thành xây dựng nông thôn mới sau năm 2020 chưa tích cực nên việc nhận thức về xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

- *Về thể chế, chính sách:* Văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa ban hành kịp thời, đồng bộ; quy định một số tiêu chí chưa phù hợp với điều kiện của địa phương.

- *Về tổ chức thực hiện:* Các xã chủ yếu tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; các nội dung về phát triển sản xuất tăng thu nhập cho người dân gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức. Sản xuất và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản chưa bền vững, chất lượng sản phẩm một số cây trồng, vật nuôi còn chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến còn phụ thuộc nhiều vào thị trường, giá cả và thật sự chưa bền vững.

e. Nguyên nhân

- *Nguyên nhân khách quan:* Quy định về tiêu chí nông thôn mới, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình ban hành còn chậm, có một số điểm chưa phù hợp; quy mô diện tích sản xuất nông nghiệp của nông hộ nhỏ, phân tán; nguồn lực đầu tư thực hiện Chương trình còn ít, mới chỉ ưu tiên hỗ trợ cho các xã hoàn thành giai đoạn 2011-2015, các xã còn lại nguồn lực đầu tư từ cấp trên không đáng kể (trừ các xã 30a, xã đặc biệt khó khăn) nên rất khó hoàn thành được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- *Nguyên nhân chủ quan:* Một số địa phương vận dụng máy móc chưa hiệu quả, đầu tư thực hiện các tiêu chí chưa trọng tâm, trọng điểm, thậm chí gây lãng phí nguồn lực trong đầu tư nông thôn mới. Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa đầy đủ, vẫn còn có tư tưởng thụ động, trông đợi vào sự hỗ trợ của ngân sách cấp trên. Đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp xã chưa phát huy hiệu quả công việc như mong muốn.

Người nông dân chỉ quan tâm đến lợi ích của mình, chưa coi trọng chữ “tín” trong liên doanh, liên kết sản xuất. Tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún còn diễn ra nhiều, tư tưởng nông dân còn quen phương thức sản xuất cũ, chạy theo giá cả thị trường, chưa nhận thức được tầm sản xuất quy mô lớn, hàng hóa nên công tác vận động tích tụ ruộng đất để hình thành vùng sản xuất chuyên canh, sản xuất hàng hóa quy mô lớn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là thực hiện nội dung tái cơ cấu ngành.

3. Những đề xuất, kiến nghị về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp

a. Những văn bản cần xây dựng mới; những văn bản cần sửa đổi, bổ sung; những chính sách cần ban hành hoặc điều chỉnh

- *Đối với Chính phủ:* Ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2016-2020 cho phù hợp với từng vùng miền nông thôn hiện nay. Ban hành quy định thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 cho phù hợp với các quy định hiện hành. Ban hành cơ chế chính sách đặc thù trong xây dựng nông thôn mới đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang, ven biển, hải đảo; ban hành chính sách khuyến khích tích tụ ruộng đất,...

- *Đối với các Bộ, ngành Trung ương:* Ban hành hướng dẫn quy định cụ thể về Bộ máy chuyên trách thực hiện Chương trình các cấp theo Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Quy định cụ thể cơ chế lồng ghép các Chương trình, dự án đang triển khai thực hiện trên địa bàn để đầu tư các xã xây dựng nông thôn mới.

- *Đối với tỉnh:* Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng NTM tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020. Hướng dẫn thực hiện, đánh giá kết quả các tiêu chí được phân công phụ trách. Ban hành hình thức và mức khen thưởng các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn tỉnh. Ban hành Quyết định quy định mức hỗ trợ PTSX trong xây dựng NTM năm 2016 (thay Quyết định số 2144, 2145 của UBND tỉnh) và ban hành định mức hỗ trợ PTSX giai đoạn 2017-2020. Ban hành Quyết định điều chỉnh bổ sung Quyết định số 18, 38 về hướng dẫn thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù đối trong xây dựng nông thôn mới phù hợp với các quy định hiện hành.

b. Các giải pháp, kiến nghị

* Các giải pháp:

- *Về việc thực hiện cuộc vận động xã hội về xây dựng nông thôn mới:* Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong đó: Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bình Định, Bản tin sản xuất và thị trường Nông lâm thủy sản Bình Định,...; các ngành, hội đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền về nông thôn mới thông qua các hoạt động chuyên môn của từng ngành.

- *Về cơ chế huy động nguồn lực:* Đa dạng hóa các nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện xây dựng nông thôn mới, gồm: vốn ngân sách tỉnh, vốn xổ số kiến thiết, vốn vay tín dụng đầu tư, tiền đầu giá quyền sử dụng đất của các địa phương,... Vận động nguồn lực từ nhân dân bằng nhiều hình thức khác nhau như: hiến đất, đóng góp ngày công lao động, vật tư....Kêu gọi các doanh nghiệp, con em quê hương thành đạt trong và ngoài tỉnh đóng góp xây dựng nông thôn mới; lồng ghép các chương trình, dự án của tỉnh để phục vụ xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất tại các vùng nông thôn; thực hiện các mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tiến đến xây dựng huyện nông thôn mới.

- *Về nguyên tắc cơ chế hỗ trợ từ trung ương; cơ chế đầu tư của chính quyền địa phương:* Trung ương cần nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới cho phù hợp, trong đó cần lưu ý ưu tiên cho các địa phương khó khăn để bổ sung nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới. Đối với Tỉnh tiếp tục ban hành các chính sách về huy động nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, như: Tiếp tục ban hành cơ chế hưởng 100% tiền đầu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn để phục vụ xây dựng nông thôn mới đối với các xã đăng ký đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ bê tông hóa đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

- *Về đào tạo cán bộ chuyên trách để triển khai thực hiện Chương trình:* Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ chuyên trách làm nông thôn mới các cấp, gồm: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và cán bộ chuyên trách nông thôn mới cấp xã. Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách các cấp được đào tạo các kiến thức, kỹ năng trong triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới.

- *Về điều hành quản lý Chương trình:* Tiếp tục kiện toàn BCD các cấp, tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện Chương trình; trong đó: củng cố, kiện toàn lại Ban chỉ đạo các cấp và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã. Phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban chỉ đạo và phân công nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho các ngành liên quan. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chuyên trách Văn phòng Điều phối các cấp và phân công cán bộ cấp xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

*** Các kiến nghị**

Để triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2016 và giai đoạn 2016-2020, kiến nghị Trung ương một số nội dung sau:

- Sớm ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2016-2020 cho phù hợp với từng vùng miền nông thôn hiện nay, như: quy định về tiêu chí Hộ nghèo theo đánh giá đa chiều, về tỷ lệ lao động qua đào tạo, về tiêu chí thu nhập, về các chỉ tiêu nội dung thực hiện tiêu chí môi trường,...

- Ban hành hướng dẫn quy định cụ thể về Bộ máy chuyên trách thực hiện Chương trình các cấp theo Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy định cụ thể về cơ chế lồng ghép các Chương trình, dự án đang triển khai thực hiện trên địa bàn để đầu tư xây dựng nông thôn mới. Vì việc lồng ghép các Chương trình, dự án hiện nay chủ yếu thực hiện theo từng Chương trình dự án riêng biệt, chưa phối kết hợp được nhiều Chương trình, dự án với nhau để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Đề nghị Chính phủ xem xét điều chỉnh cơ chế phân bổ vốn TPCP và vốn Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới cho phù hợp. Vì theo cơ chế phân bổ tỷ lệ như hiện nay là 5:4:1,3:1; trong đó chủ yếu ưu tiên phần lớn nguồn vốn cho các xã miền núi, đặc biệt khó khăn; trong khi các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đang cần nguồn lực nhưng chưa được ưu tiên hỗ trợ để hoàn thành 19 tiêu chí theo kế hoạch đề ra.

- Đề nghị Trung ương cần ưu tiên tăng nguồn vốn hỗ trợ cho các tỉnh nghèo, khó khăn, chưa tự chủ được ngân sách để xây dựng nông thôn mới; giai đoạn 2011- 2015 nguồn vốn Chương trình nông thôn mới Trung ương hỗ trợ cho tỉnh Bình Định là rất ít (222 tỷ đồng).

- Đề nghị Trung ương xem xét phân cấp thẩm định danh mục đầu tư công đối với các công trình xây dựng nông thôn mới cho cấp tỉnh. Vì hiện nay tất cả các danh mục đầu tư công đều do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trong khi danh mục đầu tư xây dựng nông thôn mới quá nhiều, nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước đối với từng công trình còn ít, dẫn đến tiến độ đầu tư xây dựng và giải ngân nguồn vốn nông thôn mới hiện nay còn chậm.

- Đề nghị bố trí kinh phí khen thưởng của Trung ương cho tỉnh theo Quyết định số 2180/QĐ-TTg ngày 05/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ là 30 tỷ đồng và ban hành Quyết định khen thưởng công trình cho huyện Tuy Phước (10 tỷ đồng) - là huyện được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua và 6 xã nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Nhơn Lộc, Hoài Châu Bắc, Bình Nghi, Phước Hưng, Cát Tài, Mỹ Hòa (1 tỷ đồng/xã).

- Về tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Đề nghị Trung ương sớm ban hành chính sách để thúc đẩy tích tụ ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp tạo động lực và tiền đề để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

.....UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo./. *yl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn Giám sát của UB TVQH;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Châu;
- Sở NN và PTNT;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K19.(M.21b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

Phụ lục 1

DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số: 156/BC-UBND ngày 4/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	Cơ quan ban hành	Số, ký hiệu	Thời gian	Tên loại và trích yếu nội dung	Ghi chú
I. Văn bản thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới					
01	Tỉnh ủy Bình Định	05-CTr/TU	22/8/2011	Chương trình hành động về thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về “xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến 2020”.	
02	UBND tỉnh	441/QĐ-UBND	05/9/2011	Quyết định về Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015.	
03	UBND tỉnh	508/QĐ-UBND	28/2/2013	Quyết định về việc điều chỉnh bổ sung Quyết định 441/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015	
04	UBND tỉnh	2143/QĐ-UBND	04/7/2014	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 28/2/2013 của UBND tỉnh về việc nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn đầu tư thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2011-2015.	
05	UBND tỉnh	27/2011/QĐ-UBND	01/9/2011	Quyết định về Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2012 - 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định	
06	UBND tỉnh	29/2013/QĐ-UBND	16/8/2013	Quyết định về việc ban hành chính sách về kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2013 - 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	
07	Chủ tịch UBND tỉnh	1257/QĐ-CTUBND	19/6/2012	Quyết định về việc ban hành quy chế xét thi đua khen thưởng thành tích xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015.	
08	UBND tỉnh	2144/QĐ-UBND	04/7/2014	Quyết định về việc định mức hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2014-2016.	

09	UBND tỉnh	18/2013/QĐ-UBND	18/7/2013	- Quyết định về việc ban hành Quy định Cơ chế đầu tư đặc thù đối với công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 tỉnh Bình Định	
10	UBND tỉnh	38/2013/QĐ-UBND	24/10/2013	Quyết định về việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Quy định cơ chế đầu tư đặc thù đối với công trình thuộc Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 tỉnh Bình Định.	
11	UBND tỉnh	3785/QĐ-UBND	13/11/2014	Quyết định về việc khen thưởng thành tích cho các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2014	
12	UBND tỉnh	2731/QĐ-UBND	05/8/2015	Quyết định về việc khen thưởng thành tích cho các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2015.	
13	UBND tỉnh	44/2015/QĐ-UBND	25/12/2015	Quyết định về việc Ban hành chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh	
14	UBND tỉnh	45/2015/QĐ-UBND	25/12/2015	Quyết định về Ban hành Chương trình bê tông hóa đường giao nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh	
15	UBND tỉnh	27/2016/QĐ-UBND	23/5/2016	Quyết định về việc ban hành Quy định phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất cho các xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	
II. Văn bản thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp					
16	UBND tỉnh	2683/QĐ-UBND	03/8/2015	Quyết định về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	
17	UBND tỉnh	52/2015/QĐ-UBND	25/12/2015	Quyết định về việc Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển giống cây trồng giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	
18	UBND tỉnh	3492/QĐ-UBND	07/5/2015	Quyết định về việc quy định một số tiêu chí về cánh đồng lớn cho các đối tượng cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Bình Định.	
19	UBND tỉnh	20/2015/QĐ-UBND	06/8/2015	Quyết định về Ban hành Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định.	

[Handwritten signature]

**BẢNG TỔNG HỢP THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
CHƯƠNG TRÌNH MÔC XD NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**
(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 4/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

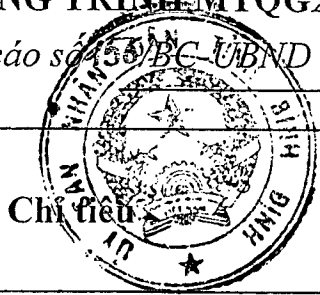
TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010 - 2015	Thực hiện 2010 - 2015	Tỷ lệ (%)
1	Số xã đạt chuẩn NTM tính đến 31/12/2015	26	28	23,0
2	Số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí	18	25	20,5
3	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí	58	56	45,9
4	Số xã đạt dưới 10 tiêu chí	20	13	10,7
*	Tổng số xã tại địa phương	122	122	

74

Phụ lục 3

**BẢNG CHI TIẾT THỰC HIỆN TIÊU CHÍ
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XDNTM GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

(Kèm theo Báo cáo số 455/BC-UBND ngày 10/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Tiêu chí	Chỉ tiêu	Thực hiện 2010 - 2015 (xã)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Quy hoạch	122,0	100,0	
2	Giao thông	66,0	54,1	
3	Thủy lợi	67,0	54,9	
4	Điện	117,0	95,9	
5	Trường học	57,0	46,7	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	33,0	27,0	
7	Chợ	106,0	86,9	
8	Bưu điện	114,0	93,4	
9	Nhà ở dân cư	101,0	82,8	
10	Thu nhập	70,0	57,4	
11	Hộ nghèo	52,0	42,6	
12	Lao động có việc làm TX	117,0	95,9	
13	Hình thức tổ chức SX	109,0	89,3	
14	Giáo dục	97,0	79,5	
15	Y tế	70,0	57,4	
16	Văn hóa	107,0	87,7	
17	Môi trường	39,0	32,0	
18	Hệ thống tổ TC chính trị XH	85,0	69,7	
19	An ninh, trật tự xã hội	118,0	96,7	

Handwritten signature

Phụ lục 4

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQGXDNTM GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Kèm theo Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 14/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Hạng mục	Tổng kinh phí thực hiện GD 2011 - 2015	Trong đó				
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
	TỔNG SỐ	36.751	5.930	6.233	6.589	6.780	11.219
I	NGÂN SÁCH TW	222	19	23	22	76	81,4
1	Trái phiếu Chính phủ	145,000	0	0	0	70,00	75,00
2	Đầu tư phát triển	27,859	3,000	12,900	11,959	0	0
3	Sự nghiệp kinh tế	48,801	16,222	10,031	9,700	6,448	6,400
II	NGÂN SÁCH ĐP	1.625	44	175	219	320	868
1	Tỉnh	570	16	71	90	130	263
2	Huyện	390	13	36	49	76	216
3	Xã	666	15	69	80	114	389
III	VỐN LÒNG GHÉP	1.787	413	368	335	280	392
IV	VỐN TÍN DỤNG	32.552	5.444	5.614	5.955	5.974	9.565
V	VỐN DOANH NGHIỆP	141	0	11	7	56	67
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	425	10	42	52	74	246

Phụ lục 5

TỔNG HỢP CÔNG NỢ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA 28 XÃ ĐẠT CHUẨN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 14/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	TÊN XÃ	HUYỆN	Tình hình công nợ của 28 xã (triệu đồng)	
			Đến 31/12/2015	Đến thời điểm hiện nay (31-8-2016)
	TỔNG SỐ		80.660	54.974
I	7 xã đạt chuẩn NTM 2014		23.309	18.113
1	Xã Tam Quan Bắc	Hoài Nhơn		
2	Xã Nhơn Lộc	TX. An Nhơn		
3	Xã Cát Trinh	Phù Cát		
4	Xã Bình Nghi	Tây Sơn		
5	Xã Phước An	Tuy Phước	6.182	6.182
6	Xã Mỹ Hiệp	Phù Mỹ	9.665	4.831
7	Xã Mỹ Lộc	Phù Mỹ	7.462	7.100
II	21 xã đạt chuẩn NTM 2015		57.351	36.861
1	Xã Ân Phong	Hoài Ân	2.812	2.812
2	Xã Ân Tường Tây	Hoài Ân		
3	Xã Ân Thạnh	Hoài Ân		
4	Xã Mỹ Hòa	Phù Mỹ		
5	Xã Mỹ Trinh	Phù Mỹ		
6	Xã Bình Tường	Tây Sơn		
7	Xã Tây Xuân	Tây Sơn	4.655	4.655
8	Xã Tây An	Tây Sơn	5.178	5.178
9	Xã Phước Nghĩa	Tuy Phước		
10	Xã Phước Hưng	Tuy Phước		

TT	TÊN XÃ	HUYỆN	Tình hình công nợ của 28 xã (triệu đồng)	
			Đến 31/12/2015	Đến thời điểm hiện nay (31-8-2016)
11	Xã Phước Thành	Tuy Phước		
12	Xã Cát Tài	Phù Cát		
13	Xã Cát Hiệp	Phù Cát	3.500	3.500
14	Xã Hoài Châu Bắc	Hoài Nhơn		
15	Xã Hoài Hương	Hoài Nhơn	7.516	7.516
16	Xã Hoài Tân	Hoài Nhơn		
17	Xã Hoài Châu	Hoài Nhơn		
18	Xã Phước Mỹ	Quy Nhơn		
19	Xã Nhơn Lý	Quy Nhơn		
20	Xã Nhơn An	TX. An Nhơn	18.603	5.200
21	Xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	15.087	8.000

Handwritten signature